

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 82/2017/HS-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

- Ông Sái Văn Trọng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh- Thư ký
Toà án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Ông
Nguyễn Văn Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2017/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 82/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn C, sinh ngày 03/7/1984; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Sán Diu; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 21/7/2017; bố đẻ Trần Trí H, mẹ đẻ Dương Thị B; vợ: Lâm Thị T, con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959; nơi cư trú: Xóm N, Thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Phù L, huyện S, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970
2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992
3. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994

Đều có nơi cư trú: Xóm N, Thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1952; nơi cư trú: xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 14/02/2017), (vắng mặt).

4. Công ty TNHH D; địa chỉ: thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc D- chức vụ Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khắc S; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2017), (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 05/02/2017, Trần Văn C có giấy phép lái xe ô tô, điều khiển xe ô tô BKS 88C-073.83 đi trên đường Quốc lộ 2A hướng từ huyện B về thành phố V. Khi đến khu vực ngã năm bên xe mới V tiếp giáp với lối mở đường N thuộc phường K, thành phố V, C quan sát thấy có xe máy BKS 29H3-6349 do ông Nguyễn Văn K điều khiển đang đi cùng chiều phía trước bên phải, sát lề đường với tốc độ khoảng 35-40 km/giờ. Chung bóp còi, bật xi nhan rẽ phải đồng thời tăng tốc xe ô tô lên khoảng 60 km/giờ để vượt qua ông K đi vào đường N. Sau khi vượt qua xe máy của ông K, Chung giảm tốc độ xuống còn khoảng 50 km/giờ và điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ phải đi vào đường N, do không chú ý quan sát, chuyển hướng và vượt phươg tiện khác không bảo đảm an toàn nên mặt ngoài lốp bên phải, trục thứ hai xe ô tô do C điều khiển đã va vào xe máy của ông K, làm ông K và xe máy đổ, ngã nghiêng bên trái theo chiều hướng di chuyển. Hậu quả làm ông K tử vong do suy hô hấp cấp không hồi phục/Đa thương tích.

Quá trình điều tra thu giữ của C 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 260162015227 mang tên Trần Văn C, 01 đăng ký xe ô tô BKS 88C-073.83 đứng tên Công ty TNHH D, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, 01 giấy chứng nhận kiểm định và xe ô tô BKS 88C-073.83; xe máy BKS 29H3-6349, 01 đăng ký xe máy BKS 29H3-6349 mang tên Nguyễn Đăng H.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 05/02/2017 xác định: Tại khu vực nơi xảy ra tai nạn mặt đường trải nhựa bằng phẳng, khô ráo, tầm nhìn thoáng, lối mở của chiều đường N hướng đi Ủy ban nhân dân xã Đ có kích thước 47m, chiều rộng lòng đường 11,6m. Tại hiện trường phát hiện dấu vết cà xước mặt đường trên diện (0,56 x 4,95 x 0,01)m, chiều hướng từ Quốc lộ 2 đi đường N (ký hiệu (1) trên sơ đồ hiện trường), đầu vết (1) cách vạch sơn ảo 14,3m, cách đầu dải phân cách giữa đường Quốc lộ 2 là 56m, cách mép lối mở 7,65m, điểm cuối vết (1) trùng với giỏ đựng đồ xe máy BKS 29H3-6349 tiếp giáp với mặt đường, cách mép phải đường 7,45m. Phát hiện xe máy BKS 29H3-6349 (ký hiệu (2) trên sơ đồ hiện trường), bị đổ nghiêng trái, đầu xe hướng đi đường N, trục sau xe máy cách vạch sơn ảo 17,75m, cách mép lối mở 6,8m; trục trước xe máy cách vạch sơn ảo 18,8m, cách mép lối mở 6,65m. Phát hiện xe ô tô tải BKS 88C-073.83, đầu xe quay hướng đi đường N (ký hiệu (3) trên sơ đồ hiện

trường), đầu trục bánh xe sau cùng bên phải xe ô tô cách mép đường 8,5m, cách vạch sơn ảo 24,8m; đầu trục bánh xe trên cùng bên phải xe ô tô cách mép lối mở 8,6m, cách vạch sơn ảo 30,5m; trục sau cùng bên phải xe ô tô cách trục trước xe máy BKS 29H3–6349 là 9,5m. Phát hiện đám dầu vết màu đen bám dính trên mặt đường kích thước (4,05 x 0,21)m (ký hiệu (4) trên sơ đồ hiện trường) có chiều hướng đi đường N, điểm đầu vết (4) cách mép đường 8,7m, cách vạch sơn ảo 25,7m, cuối vết (4) trùng với mặt lằn bánh xe bên phải hàng bánh thứ hai tính từ đầu xe ô tô. Phát hiện đám dầu vết màu đen bám dính trên mặt đường, kích thước (3,85 x 0,23)m (ký hiệu (5) trên sơ đồ hiện trường) có chiều hướng đi Ủy ban nhân dân xã Đ, đầu vết (4) cách đầu vết (5) 0,88m, hai dấu vết này chạy song song, cách nhau 1,9m. Khoảng cách từ mép lối mở đường N hướng đi Ủy ban nhân dân xã Đ tới mép tiếp tuyến vòng xuyên là 31,2m.

Kết quả khám xe máy BKS 29H3–6349 và xe ô tô BKS 88C–073.83:

- Xe ô tô BKS 88C–073.83 nhãn hiệu DONGFENG, loại xe tải tự đổ: Tại mặt ngoài má lốp thứ hai, bên phải xe theo chiều từ trước về sau, phát hiện vết cà sát lốp, làm sạch bụi kích thước (37 x 3,3)cm chiều hướng từ ngoài vào tâm lốp và chéch chéo ngược chiều kim đồng hồ. Đầu vết cách mép ngoài lốp 11cm (đo theo chiều thẳng vào tâm lốp), đường kính lốp 105cm. Đầu vết cách dòng chữ WX 625 trên má lốp 12 cm theo chiều kim đồng hồ, cuối vết trùng với mép la răng. Tương ứng với vết cà sát trên, sát với đầu vết này trên mặt ngoài mép má lốp phát hiện vết cà sát lốp bám bụi màu đen chạy theo hình vòng cung, ngược chiều kim đồng hồ kích thước (55 x 1,3)cm, cách mép ngoài lốp 3,5cm.

- Xe máy BKS 29H3–6349: Tại mặt ngoài gáo gương bên trái phát hiện 2 vết cà xước, vết thứ nhất tại mép trên, kích thước (3,3 x 1)cm, chiều hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính bụi đất; vết thứ hai tại điểm tiếp giáp với tay gương, kích thước (2,8 x 1,7)cm bề mặt bị sơn nhựa, hướng từ trước về sau. Tại đầu tay lái bên trái phát hiện đám cà xước sơn nhựa làm hở lõi kim loại kích thước (3,3 x 2,7)cm, hướng từ trước về sau. Tại mép ngoài bên trái giỏ đèn hàng phía trước phát hiện đám cà xước sơn nhựa làm hở lõi kim loại bên trong kích thước (13,4 x 8,8)cm, chiều hướng từ trước về sau. Tại má lốp trước bên trái vị trí cách chân van 49cm (ngược chiều kim đồng hồ) phát hiện đám vết cà sát lốp kích thước (25 x 1,7)cm, chiều hướng từ tâm lốp ra ngoài. Tại mặt ngoài bên trái may ơ bánh trước, tương ứng với vết cà sát lốp trên phát hiện vết cà xước kim loại kích thước (1,9 x 2,4)cm không rõ chiều hướng cách tâm trục 2,2cm. Tại bàn đạp chân bên trái phát hiện đầu bàn đạp chân có đám cà xước làm hở lõi kim loại bên trong kích thước (1,7 x 1,5)cm, chiều hướng từ trước về sau, toàn bộ bàn đạp chân bị đẩy cong từ trước về sau lệch khỏi vị trí ban đầu 02cm. Tại góc sau cùng bên trái yên xe và giá đỡ yên xe người ngồi sau phát hiện vết cà sát kích thước (3 x 4)cm chiều hướng từ trước về sau, bề mặt bám bụi đất. Tại mặt ngoài đầu bên trái kính đèn xi nhan phía sau bên trái phát hiện đám vết cà xước kích thước (2,3 x 3)cm chiều hướng từ trước về sau.

Tại Kết luận pháp y số 27 ngày 06/02/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: nhiều vết sây sát da. Chấn thương lồng ngực nặng, gãy xương đòn trái, dập gãy nhiều xương sườn hai bên. Khoang phổi hai bên có nhiều máu sẫm đen không đông, toàn bộ phổi xẹp, bầm dập tụ máu, rách nhu mô phổi. Gãy kín 1/3 trên xương ức. Dập vỡ xương cánh chậu bên phải. Nguyên nhân tử vong: Suy hô hấp cấp không hồi phục/Đa thương tích.

Tại Kết luận số 76/KLGD ngày 8/02/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Mẫu chất lỏng màu nâu đỏ ghi là máu của tử thi Nguyễn Văn K gửi đến giám định không phát hiện có Cồn (Ethanol).

Tại Kết luận giám định số 220/KLGD ngày 21/3/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chụp được 8 ảnh người và phương tiện xuất hiện trong khoảng thời gian 08:52:36 đến 08:52:46 ngày 5/2/2017 (theo thời gian xuất hiện trên đoạn video từ 01 tệp tin video được lưu trữ trong 01 USB gửi giám định của Cơ quan điều tra Công an thành phố V. Toàn bộ ảnh chụp được in và thuyết minh diễn biến trong bản ảnh giám định, đoạn video gửi giám định được in lên đĩa DVD gửi kèm theo kết luận giám định.

Ngày 10/5/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố V trả lại cho Công ty TNHH D xe ô tô BKS 88C-073.83 cùng toàn bộ giấy tờ xe ô tô. Công Ty đã nhận lại xe cùng giấy tờ xe ô tô và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Ngày 28/5/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố V trả lại xe máy BKS 29H3-6349 cùng đăng ký xe cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Hữu L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề, nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, đại diện Công ty TNHH D và gia đình Trần Văn C đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại các khoản: Chi phí mai táng 38.000.000,đ; bồi thường tổn thất về tinh thần 132.000.000,đ, tổng cộng 170.000.000,đ. Đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về dân sự.

Tại Cáo trạng số: 83/KSĐT-KT ngày 18/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Trần Văn C về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra và tại đơn xét xử vắng mặt trình bày: Sau khi bị tai nạn, ông Nguyễn Văn K tử vong ngày 05/02/2017. Gia đình ông K đã nhận lại chiếc xe máy BKS 29H3-6349, đăng ký xe và tổng số tiền do Công ty TNHH D và gia đình bị cáo C bồi thường là 170.000.000,đ (gồm các khoản: mai táng phí 38.000.000,đ, tổn thất tinh thần 132.000.000,đ), nay gia đình người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản gì (BL98,99,100,101,102,103,104,105,106,107,108,109,110,111).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Cấm bị cáo hành nghề lái xe từ 02 năm đến 03 năm.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại Trần Văn C 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 260162015227 mang tên Trần Văn C, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án..

Xác nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố V đã thu và trả lại gia đình nạn nhân Nguyễn Văn K xe máy cùng đăng ký xe BKS 29H3-6349; trả cho Công ty TNHH Dxe ô tô BKS 88C-073.83, 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ đều của xe ô tô BKS 88C-073.83 là hợp pháp.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), các điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự năm 2015: Xác nhận Công ty TNHH D và gia đình Trần Văn C đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Văn K số tiền 170.000.000,đ là hợp pháp.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định tử thi, kết luận giám định hình ảnh, kết quả khám phương tiện... về thời gian, địa điểm phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 05/02/2017, Trần Văn C có giấy phép lái xe ô tô, điều khiển xe ô tô BKS 88C-073.83 đi trên đường đến khu vực ngã 5 bên xe mới V tiếp giáp với lối mở đường N thuộc phường K, thành phố V, C quan sát thấy có xe máy BKS 29H3-6349 do ông Nguyễn Văn K điều khiển đang đi cùng chiều phía trước bên phải, C điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ phải đi vào đường N, đã va vào xe máy của ông K, làm ông K và xe máy đổ, ngã nghiêng bên trái theo chiều hướng di chuyển. Hậu quả làm ông K tử vong do suy hô hấp cấp không hồi phục/Đa thương tích.

Hành vi của Trần Văn C điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát, vượt xe và chuyển hướng không bảo đảm an toàn gây tai nạn làm ông Nguyễn Văn K tử vong đã vi phạm vào khoản 5 Điều 4; khoản 23 Điều 8; khoản 1 Điều 12; điểm d khoản 5 Điều 14 và khoản 1, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ; khoản 3 Điều 4; khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 91/2015 ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Hành vi nêu trên của bị cáo C đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù 06 tháng đến 05 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặt khác hiện nay tai nạn giao thông đang là vấn đề nổi cộm phần lớn là do ý thức của người tham gia giao thông. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù, theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng. Trước khi phạm tội bị cáo C là người có nhân thân tốt, tội phạm xảy ra ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực đưa người bị nạn đi cấp cứu, sau đó tự đến cơ quan điều tra để khai nhận hành vi phạm tội. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Sau khi phạm tội bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, gia đình người bị hại có đơn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”; “Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, từng được khen thưởng trong công tác”, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không bị áp dụng.

Như đã nêu trên, xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi vô ý, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt. Sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, Bị cáo có nơi cư trú ổn định nên có thể cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 202 của Bộ luật hình sự cấm bị cáo hành nghề lái xe một thời gian.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D và gia đình bị cáo Trần Văn C đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại các khoản: Chi phí mai táng 38.000.000,đ; bồi thường tổn thất về tinh thần 132.000.000,đ, tổng cộng 170.000.000,đ. Đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền và ngày 28/5/2017 đã nhận lại xe máy BKS 29H3–6349 cùng đăng ký xe. Nay gia đình người bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự, Công ty TNHH D không có yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Trả lại Trần Văn C 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 260162015227 mang tên Trần Văn C theo quy định khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Cấm bị cáo Trần Văn C hành nghề lái xe ô tô 02 (hai) năm tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho Trần Văn C 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 260162015227 mang tên Trần Văn C nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2016).

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại địa phương nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện Tam Đảo;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Lý